TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 86/2022/DS-ST.
Ngày: 11/10/2022.
V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành T

2. Bà Phạm Hồng G

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Đặng Thanh S** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*:** Bà **Trần Phương T1** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2022/TLST–DS, ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2022/QĐ-HPT ngày 26 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành S1** (Hồng), sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bến Đá, xã Thổ S1, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Võ Thanh L,** sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Bến Đá, xã Thổ S1, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị C, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bến Đá, xã Thổ S1, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2022; trong quá trình xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thành S1 trình bày như sau:*

Trong thời điểm năm 2020 do ông Võ Thanh L và bà Trần Thị C là chỗ quen biết và tin tưởng nên ông Nguyễn Thành S1 có cho ông L, bà C mượn tiền của ông Nguyễn Thành S1 nhiều với tổng số tiền là 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng), không có lãi và không có làm biên nhận. Mục đích cho vay tiền để ông L, bà C đổ đất và ông L vay đóng tiền hụi. Do ông L, bà C không trả tiền, ông S1 tiến hành đòi nợ nhiều lần nhưng ông L, bà C không thực hiện việc trả nợ. Đến ngày 20/11/2021 thì giữa ông S1 và ông L thống nhất làm biên nhận tổng kết tiền nợ gốc là 145.000.000 đồng. Sau khi ký xác nhận nợ thì ông L, bà C hứa đến ngày 20/03/2022 sẽ hoàn trả cho ông S1 hết số tiền nợ trên. Tuy nhiên, đến ngày trả nợ ông L, bà C vẫn không trả tiền cho ông S1 đúng như thỏa thuận tại giấy nhận nợ dẫn đến sự việc này kéo dài cho đến nay. Ông S1 đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu ông L, bà C trả nợ cho ông nhưng phía ông L và bà C vẫn không trả nợ cho ông S1.

Đến ngày 06/06/2022, ông S1 làm đơn gửi đến Ban lãnh đạo ấp Bến Đá hòa giải yêu cầu ông L, bà C trả cho ông số tiền 145.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải phía ông L thừa nhận còn thiếu nợ ông S1 số tiền gốc là 145.000.000 đồng và hứa đến 45 ngày sau trả cho ông S1 số tiền 40.000.000 đồng, nhưng ông S1 không đồng ý nên việc hòa giải không thành. Do không thỏa thuận được nên các bên phát sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Thành S1 yêu cầu ông Võ Thanh L và bà Trần Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng), ông S1 không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra ông S1 không yêu cầu gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Thanh L trình bày:*

Ông Võ Thanh L thừa nhận từ năm 2020 ông L cùng vợ ông là bà Trần Thị C có vay của ông Nguyễn Thành S1 tổng số tiền gốc là 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) để đổ đất nền nhà. Đến ngày 20/11/2021 ông L và ông S1 thống nhất làm biên nhận tổng kết số tiền nợ gốc là 145.000.000 đồng.

Vợ ông L là bà Trần Thị C đã nhận thông báo thụ lý và thông báo mời hòa giải của Tòa án. Việc vay mượn số tiền 145.000.000 đồng này là vợ chồng ông vay mượn về để phục vụ việc đổ đất trong gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía ông S1 yêu cầu ông L, bà C có trách nhiệm trả số tiền này cho ông S1 thì ông L cũng đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn nên ông L xin được trả dần số tiền này, có bao nhiêu sẽ trả cho ông S1 bấy nhiêu.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C trình bày:*

Bà Trần Thị C thừa nhận bà và ông Nguyễn Thanh L là vợ chồng hợp pháp. Tuy nhiên, hiện tại bà và ông L đã ly hôn vào tháng 7 năm 2021 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 153/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất. Việc ông Võ Thanh L vay tiền của ông Nguyễn Thành S1 vào năm 2020 thì bà C không biết ông L vay tiền của ông S1 nhằm mục đích gì nhưng khi ông S1 đến đòi nợ thì bà có biết. Bà C cho rằng không có vay tiền của ông S1 và không có ký biên nhận nợ với ông S1. Nay ông S1 yêu cầu ông L, bà C trả số nợ trên thì bà C không đồng ý trả nợ trên cho ông S1.

Tại phiên tòa hôm nay phía ông S1 và bà C đã tự thỏa thuận với nhau, phía ông S1 tự nguyện rút lại một yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà C phải liên đới với ông L để trả nợ cho ông S1. Theo đó phía bà C đã giao cho ông S1 số tiền là 22.680.000 đồng cho ông S1, ông S1 đã nhận số tiền này.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay do phía ông S1 và bà C đã tự thỏa thuận với nhau, phía ông S1 tự nguyện rút lại một yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà C phải liên đới với ông L để trả nợ cho ông S1. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông S1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn đối với yêu cầu buộc ông L phải trả cho ông S1 số tiền gốc còn lại là 122.320.000 đồng. Buộc bị đơn là ông Võ Thanh L phải trả cho ông Nguyễn Thành S1 số tiền còn nợ gốc là 122.320.000 đồng. Đồng thời buộc phía ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Võ Thanh S1 với bị đơn ông Nguyễn Thành L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị C; bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Võ Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau: Trước đây vào năm 2020 vợ chồng ông Võ Thanh L và bà Trần Thị C có vay của ông Nguyễn Thành S1 số tiền là 145.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, khi vay giữa hai bên không có lập biên nhận nợ. Mục đích vay tiền để đổ đất nền nhà của ông L, bà C. Đến ngày 20/11/2021 ông S1 có đòi nợ thì ông L ký nhận nợ và C kết 20/03/2022 sẽ hoàn trả cho ông S1 hết số tiền nợ trên nhưng chưa thực hiện. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía ông Võ Thành L đều thừa nhận còn nợ phía ông L

có vay của ông S1 số tiền vay gốc nêu trên, nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay phía bà C và ông S1 tự nguyện thỏa thuận như sau: phía bà C giao cho ông S1 số tiền là 22.680.000 đồng cho ông S1 thì ông S1 đồng ý nhận số tiền này. Ông S1 tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc liên đới buộc bà C phải có trách nhiệm trả nợ, ông S1 chỉ yêu cầu phía ông Võ Thanh L phải trả cho ông số tiền còn nợ là 122.320.000 đồng, ông không yêu cầu phía bà C phải liên đới với ông L để trả nợ, ông S1 không yêu cầu tính lãi. Xét thấy tại phiên tòa hôm nay phía bà C và ông S1 tự nguyện thỏa thuận và đã giao nhận xong số tiền 22.680.000 đồng. Do đó Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông S1 về việc buộc bà C phải liên đới trả số tiền theo nội dung đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thành S1 chỉ yêu cầu ông Võ Thanh L phải trả cho ông số tiền nợ gốc tổng cộng là 122.320.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành S1. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành S1 là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Bởi lẽ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Thanh L cũng thừa nhận có vay và hiện tại ông L, bà C còn nợ ông S1 số tiền vay gốc là 145.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này nhưng do hoàn cảnh hiện tại quá khó khăn nên hẹn khi nào có tiền sẽ trả dần cho ông S1. Do tại phiên tòa hôm nay phía bà C đã trả số tiền gốc là 22.680.000 đồng cho ông S1 (đã thực hiện xong) nên ông L phải có trách nhiệm thanh toán số nợ còn lại số tiền là 122.320.000 đồng cho ông S1 là phù hợp với quy định của pháp luật và diễn biến khách quan tại phiên tòa.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

Xét yêu cầu xin được trả dần của phía bị đơn ông Võ Thanh L. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "…Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành …". Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn cũng không đồng ý cho phía bị đơn được trả dần do đó HĐXX miễn xét.

[4] Về án phí DSST : Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông Võ Thanh L phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông Nguyễn Thành S1.

Ông Nguyễn Thành S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho ông S1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử**:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành S1. Buộc ông Võ Thành L phải trả cho ông Nguyễn Thành S1 số tiền vay còn nợ tổng cộng 122.320.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành S1 về việc yêu cầu bà Trần Thị C phải liên đới với ông Võ Thanh L trả nợ do ông S1 tự nguyện rút một phần yêu cầu.

3/. Về án phí : Buộc ông Võ Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.116.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.625.000 đồng theo biên lai thu số 0008037 ngày 04/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

4/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn A